

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 03/CV ngày 08/12/2023 của Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của "Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột" và hồ sơ bổ sung ngày 08/01/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 15/TTr-STNMT ngày 11/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột, địa chỉ tại góc đường Nguyễn Thị Định và đường vành đai phía Tây, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột.

1.2. Địa điểm hoạt động: Góc đường Nguyễn Thị Định và đường vành đai phía Tây, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0102853832-016

đăng ký lần đầu ngày 09/01/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/11/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0102853832.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 17.905,9m² bao gồm khu siêu thị, các gian hàng, văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP. Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh (để biết);
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu vệ sinh, lau rửa sàn.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu chế biến thực phẩm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ các khu sơ chế rau củ quả, thực phẩm tươi sống.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị làm bánh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối tại hố ga thu nước thải ký hiệu SA-BD-0100 trên đường Nguyễn Thị Định.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X: 447488; Y: 1402619.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm, tương đương 6,25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức nước thải ra hố ga thu nước thải ký hiệu SA-BD-0100 trên đường Nguyễn Thị Định.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9		
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa	mg/l	1.000		Không thuộc

	tan			3 tháng/lần	đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amonia (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng ngầm dọc theo các công trình và tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể tách mỡ, tách rác; Bể tách bột; Bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể MBBR → Bể sinh học hiếu khí Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, bơm cưỡng bức nước thải ra hố ga thoát nước thải ký hiệu SA-BD-0100 thuộc hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột (Công văn thỏa thuận vị trí đấu nối số 5019/UBND-QLĐT ngày 21/11/2019 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột).

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine, giá thể bể MBBR.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ thay thế thiết bị để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành hiệu quả.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố sẽ dừng hoạt động xả thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại bể điều hòa để xử lý, khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn khí thải: phát sinh từ ống khói tại khu vực nhà bếp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3'): X= 447432; Y= 1402644.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $72 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (theo thời gian hoạt động của nhà bếp).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO ₂	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		
5	NH ₃	mg/Nm ³	50		
6	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ khu vực nhà bếp → Hệ thống chụp hút → Lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói cao 20m.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành theo đúng quy trình hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ thay thế thiết bị để đảm bảo hệ thống xử lý khí thải vận hành hiệu quả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý khí thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải.

3.4. Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại Buôn Ma Thuột chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	15
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	17
Tổng cộng:			35

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của trung tâm thương mại bao gồm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì ni lông, hộp nhựa, vỏ chai, bìa carton...), chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả...) và chất thải rắn sinh hoạt khác (găng tay cao su, đồ bằng gốm, sứ, thủy tinh bị vỡ...). Tổng khối lượng phát sinh khoảng 3.120 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 12 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; có mái che.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa có dung tích 20 lít có nắp đậy dọc theo hành lang tại các khu thương mại, dịch vụ.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 12 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường xây gạch, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; có mái che.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.